



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

ALPHA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

2013

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	4
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
4.1. Mô hình quản trị.....	5
4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	6
5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2014.....	6
5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	7
5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.....	8
6. Các rủi ro:.....	8
II. Tình hình hoạt động trong năm	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
2.1. Thông tin về Ban điều hành.....	10
2.2. Về nhân sự	14
3. Tình hình tài chính	14
3.1. Tình hình tài chính.....	14
3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	15
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	16
4.1. Cổ phần:	16
4.2. Cơ cấu cổ đông:	16
4.3. Vốn điều lệ.....	16
4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có	16
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.....	16
2. Tình hình tài chính	20
2.1. Tình hình tài sản.....	20
2.2. Tình hình nợ phải trả	20
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	20
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	21
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	22
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	22
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	22
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	23
V. Quản trị công ty	24
1. Hội đồng quản trị.....	24
2. Ban Kiểm soát	26

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	27
VI. Báo cáo tài chính (đính kèm)	27
1. Ý kiến kiểm toán	27
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	27

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Công ty cổ phần chứng khoán Alpha (Alpha Securities Company, JS) được thành lập hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, sửa đổi lần thứ nhất ngày 22/12/2006.
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp;
- Quyết định số 64/UBCK-GP ngày 21/8/2007 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD;
- Quyết định số 133/UBCK-GP ngày 18/6/2008 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD.
- Giấy phép số 211/UBCK-GP ngày 16/03/2009 điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 44/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2006 được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/6/2008 về việc sửa đổi một số nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp là 58.619.400.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha có trụ sở tại Số 02 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (84.4) 39334666 Số fax: (84.4) 39334668
- Website: apsc.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 28/12/2006	Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
Ngày 11/01/2007	Thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán
Ngày 23/01/2007	Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ngày 12/03/2007	Khai trương và đi vào hoạt động tại Hà Nội

Ngày 15/03/2007	Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày 10/01/2008	Giới thiệu dịch vụ tra cứu SMS với Khách hàng
Ngày 04/01/2010	Giao dịch trực tuyến với sàn HCM
Ngày 28/05/2010	Giao dịch trực tuyến với sàn Hà Nội

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các nghiệp vụ kinh doanh của APSC:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

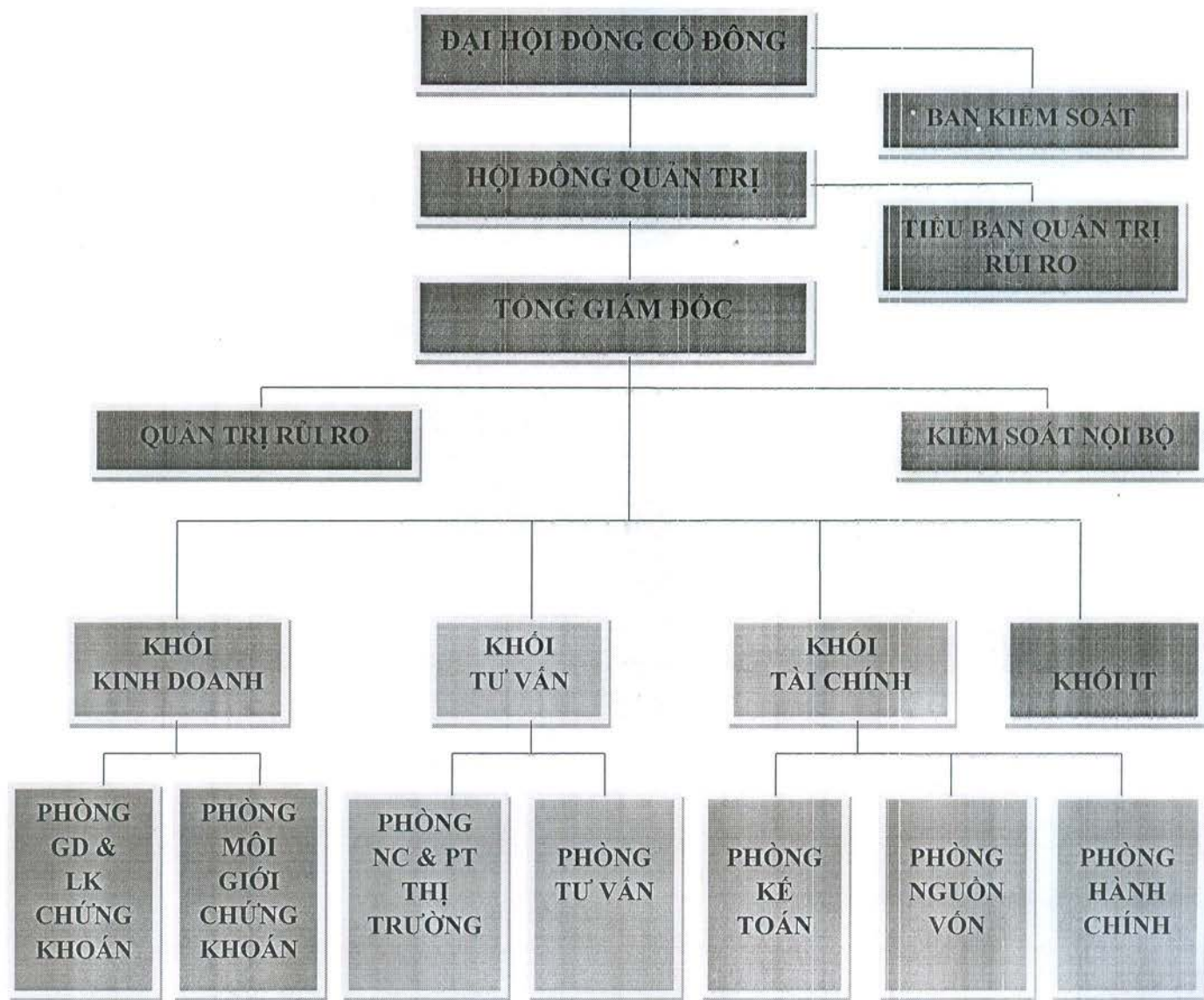
4.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

Nhìn chung, mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị (HĐQT) đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu thông qua hệ thống các quy chế quản trị.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu quản lý Công ty được tổ chức theo sơ đồ sau



5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2014

- Tiếp tục nâng cấp toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng với các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng;
- Tăng cường kiểm soát doanh thu, chi phí nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, chống đỡ với những khó khăn của thị trường và sẵn sàng khi thị trường có cơ hội phục hồi;

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn;
- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Liên tục tuyển dụng và đào tạo các nhân tài phục vụ cho Công ty.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng APSC thành một công ty có thương hiệu mạnh về dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế. Để đạt được mục tiêu trên APSC đã đưa ra những chiến lược cụ thể như sau :

- Chiến lược phát triển khách hàng: APSC quan điểm rằng để mở rộng được mạng lưới khách hàng thì cần phải xây dựng được niềm tin của khách hàng đối với Công ty. Vì vậy, chữ “Tin” trong kinh doanh là một yếu tố quan trọng. Nâng cao tính minh bạch và cam kết về trách nhiệm trong các hoạt động giao dịch mua bán đầu tư với khách hàng sẽ là một nền tảng để khách hàng lựa chọn và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ: APSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng trong việc sử dụng dịch vụ, tiết kiệm thời gian tối đa và vẫn đạt hiệu quả trong đầu tư.
- Chiến lược công nghệ thông tin: Với đặc thù là ngành kinh doanh phụ thuộc nhiều vào công nghệ, APSC đã xác định mức độ quan trọng của hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Với kinh nghiệm trong ngành Chứng khoán, APSC thấu hiểu và thông suốt các cách thức giao dịch, nhu cầu của khách hàng, các sản phẩm phái sinh tài chính và cả những sản phẩm mới sẽ được đưa vào thị trường Việt Nam, trên nền tảng đó APSC xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tiên tiến và có độ mở cao nhằm đáp ứng việc thích ứng với môi trường kinh doanh tại Việt Nam đặc biệt là sự thích nghi với sự thay đổi các chính sách của thị trường. Với hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu của khách hàng nhưng đồng thời giúp khách hàng tiết kiệm chi phí.
- Chiến lược nhân sự: APSC xác định nhân sự là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất để xây dựng một APSC thành công và trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành.

Vì vậy, APSC có một hệ thống các quy trình, chính sách để thu hút, đào tạo và phát triển nhân tài. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh khốc liệt về nhân sự giỏi, APSC cam kết luôn hiểu, chia sẻ, vun đắp và hỗ trợ cho những thành viên của Công ty để từ đó có động lực phát triển và gắn bó lâu dài với Công ty.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Trở thành một Công ty chứng khoán môi giới chuyên nghiệp và uy tín trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- Phương thức giao dịch và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tiên tiến nhất.
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ hoàn hảo đến khách hàng.
- Môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả cao với đội ngũ chuyên gia có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Chứng khoán, có đạo đức nghề nghiệp và có nhiệt huyết xây dựng Công ty.

6. Các rủi ro:

- ❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do biến động về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, chỉ số giá cổ phiếu, giá cả hàng hóa thế giới và trong nước. Rủi ro thị trường gây tác động làm giảm mức độ lợi nhuận đầu tư của Công ty thông qua ảnh hưởng trực tiếp tới khoản đầu tư tiền gửi, đầu tư cổ phiếu của Công ty. Nhận thức được những bất ổn tiềm tàng trong nền kinh tế, Công ty luôn thực hiện chiến lược đầu tư thận trọng, và đạt hiệu quả cao nhất trong đầu tư.
- ❖ **Rủi ro tín dụng** là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng từ những hợp đồng tư vấn và hỗ trợ giao dịch ký quỹ. Rủi ro này phát sinh khi đối tác không hoàn thành khả năng thanh toán. Đối với giao dịch ký quỹ, APECS thực hiện thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCK Nhà Nước và thường xuyên đánh giá các mã cổ phiếu trong danh mục chứng khoán ký quỹ dựa trên yếu tố thanh khoản, biến động giá. Đối với các hợp đồng tư vấn, Công ty yêu cầu khách hàng thanh toán trước theo từng giai đoạn của công việc hoặc đặt cọc một phần tiền. Bằng việc thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng, năm 2013, Công ty không để xảy ra tình trạng tổn thất vốn, hay nợ xấu.
- ❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán những khoản nợ ngắn hạn. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ

tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

❖ **Rủi ro pháp luật** là rủi ro liên quan đến các quy định của pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan khác, tiến hành đào tạo nhằm nâng cao kiến thức về pháp luật cho nhân viên. Nhờ đó đã giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

❖ **Rủi ro về thương hiệu** nảy sinh do các yếu tố làm ảnh hưởng đến Công ty và thương hiệu, hình ảnh của công ty đối với đối tác, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý. Công ty luôn chú trọng xây dựng hình ảnh công ty, đảm bảo phục vụ khách hàng tốt nhất và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013, kinh tế thế giới đã có những tín hiệu phục hồi nhưng chưa vững chắc. *Kinh tế Mỹ* do những khó khăn về tài chính, nên đã không phục hồi nhanh chóng, mức tăng GDP chỉ đạt 1,6%. *Kinh tế EU* đã phục hồi nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn chậm và chưa đều sau 5 năm giảm sút, có dấu hiệu cho thấy sự phục hồi kinh tế của khu vực Eurozone thiếu vững chắc. *Kinh tế Nhật Bản* có bước chuyển biến sáng sủa, đã thoát khỏi thời kỳ tăng trưởng âm và duy trì ở mức tăng GDP 1,8%. Kinh tế trong nước đang có dấu hiệu đi qua vùng đáy. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 đạt khoảng 5,42% (năm 2012 đạt 5,25%); kim ngạch xuất khẩu tăng 15,4% so với năm 2012; lạm phát và lãi suất giảm; tỷ giá ổn định; thanh khoản cải thiện; nợ xấu bắt đầu được xử lý nhờ VAMC; thị trường bất động sản ấm dần,...

Thị trường chứng khoán đã có một năm phục hồi và tăng trưởng khá mạnh. Các chỉ số giá chứng khoán đều tăng so với cuối năm 2012. Việt Nam trở thành 1 trong 10 nước có thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh nhất thế giới.

Trong năm 2013, thị trường chứng khoán có nhiều khởi sắc, Công ty đã hoạch định chiến lược, triển khai cũng như xúc tiến dịch vụ phù hợp với những biến động của thị trường, do đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cải thiện so với năm 2012. Tuy nhiên, chịu những khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh năm 2013 không đạt được như kế hoạch đề ra. Doanh thu hoạt động môi giới đạt 4,03 tỷ

đồng, tăng 33,3% so với năm 2012; hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 726,8 triệu đồng, tăng 9,3% so với năm 2012.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 8.088.542.700 đồng đạt 65,23% so với kế hoạch năm đề ra. Lợi nhuận sau thuế (3.743.086.683) đồng, tăng 16% so với năm 2012.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Thông tin về Ban điều hành

2.1.1 Ông Nguyễn Quốc Hùng – Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	NGUYỄN QUỐC HÙNG
Chức vụ:	Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20-08-1965
CMND:	011019129, cấp ngày 30/03/2000 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 64 Ngõ Thổ Quan, Phố Khâm Thiên, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 186)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Viện Đại học Mở
Quá trình công tác:	1983-1995: Nhân viên Xí nghiệp xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực 1 2000-2006: Trưởng phòng Môi giới Công ty Chứng khoán SSI
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 13
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	1.636.400
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	27,92%

2.1.2. Ông Lê Văn Cường – Giám đốc khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp

Họ và tên:	LÊ VĂN CƯỜNG
Chức vụ:	Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-02-1973
CMND:	011663391, cấp ngày 24/05/2005 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	150 L3, Thái Thịnh, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 308)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Học Viện Ngân Hàng
Quá trình công tác:	- Từ 1995-1996 : Nhân viên Ngân hàng Vietcombank - Từ 1996-1998 : Chuyên viên – Ngân hàng Nhà nước - Từ 1998- 2007 : Chuyên viên - Ủy ban chứng khoán nhà nước
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	41.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,70%
2.1.3. Bà Nguyễn Thị Giáng Hương – Giám đốc khối Tài chính Kế toán	
Họ và tên:	NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG
Chức vụ:	Giám đốc khối Tài chính Kế toán
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	08-01-1973
CMND:	012045938, cấp ngày 01/07/1999 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 21, Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 408)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương
Quá trình công tác:	Từ 1998 – 2006: Cán bộ Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi Hà nội
Chức vụ công tác hiện nay:	Giám đốc khối Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	Không có

2.1.4. Bà Trương Thị Minh Thọ - Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán

Họ và tên:	TRƯƠNG THỊ MINH THỌ
Chức vụ:	Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	14-12-1976
CMND:	011805590, cấp ngày 13/08/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 21, Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 206)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	- Cử nhân Ngoại ngữ khoa tiếng Đức - Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội - Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng
Quá trình công tác:	- 2000 - 2006: Trưởng Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán – Công ty cổ phần chứng khoán SSI
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT, Giám đốc khối kinh doanh chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	190.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	3,24%

2.1.5. Ông Võ Thanh Hải – Giám đốc khối Công nghệ thông tin

Họ và tên:	VÕ THANH HẢI
Chức vụ:	Giám đốc khối Công nghệ thông tin
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-09-1979
CMND:	011938058, cấp ngày 15/01/2011 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	34 A1, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 613)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Công nghệ Thông tin – Đại học Bách Khoa
Quá trình công tác:	- 2003-2006 : Lập trình viên Công ty FPT
Chức vụ công tác hiện nay:	Giám đốc khối Công nghệ thông tin Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	13.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,22%

2.2. Về nhân sự

Cơ cấu tổ chức và phát triển nhân sự: mặc dù trong năm 2013, vẫn còn có biến động trong nhân sự, nhưng về cơ bản bộ máy tổ chức – nhân sự của Công ty từ cấp cao đến nhân viên đều được duy trì ổn định.

Việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cũng được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ. Việc tham gia các khóa học về chứng chỉ chuyên môn do UBCKNN tổ chức, được các cán bộ APSC thực hiện đầy đủ và 100% cán bộ tham gia học đều thi đỗ, đang ở giai đoạn chờ cấp chứng chỉ.

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
	2013	2012	
Tổng giá trị tài sản	70.514.927.335	77.949.480.605	(9,5%)
Doanh thu thuần	8.088.542.700	9.456.450.471	(14,5%)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.746.086.683)	(6.049.087.146)	38,1%
Lợi nhuận khác	3.000.000	58.131.480	(94,8%)
Lợi nhuận trước thuế	(3.743.086.683)	(5.990.955.666)	37,5%
Lợi nhuận sau thuế	(3.743.086.683)	(4.458.626.549)	16,0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(639)	(761)	16,0%

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm	
	2013	2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,85	2,66
Hệ số thanh toán nhanh	2,85	2,66
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,31	0,33
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,45	0,49
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,11	0,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,46)	(0,47)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(7,72%)	(8,54%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(5,31%)	(5,72%)

Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần

(46,31%)

(63,97%)

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.861.940 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.861.940 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

4.2. Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông: 65 cổ đông, được phân bổ theo cơ cấu sau:

Phân loại	Cổ đông lớn	Cổ đông nhỏ	Cổ đông tổ chức	Cổ đông cá nhân	Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Cổ đông nhà nước	Cổ đông khác
Tỷ lệ	76,33%	23,67%	1,96%	98,04%	100%	0%	0%	100%
Tổng	100 %		100 %		100 %		100 %	

Nguồn: Danh sách cổ đông APSC ngày 31/12/2013

4.3. Vốn điều lệ

Năm 2013, Công ty cổ phần chứng khoán Alpha không thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ hiện tại: 58.619.400.000 đồng

4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Bảng đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ
Doanh thu	12.400.000.000	8.088.542.700	65,23%
DT hoạt động môi giới chứng khoán	5.600.000.000	4.025.616.350	71,89%
DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.000.000.000	82.027.600	8,20%
DT hoạt động tư vấn	1.000.000.000	726.818.182	72,68%
DT khác	4.800.000.000	3.178.073.181	66,21%
Chi phí hoạt động kinh doanh	4.051.000.000	6.012.712.067	148,43%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.993.000.000	5.821.917.316	97,15%
Thu nhập khác	-	3.000.000	-
Chi phí khác	-	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.356.000.000	3.743.086.683	158,87%

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của APSC cụ thể như sau:

❖ **Hoạt động môi giới – giao dịch chứng khoán**

Trong năm 2013, hoạt động kinh doanh môi giới - giao dịch chứng khoán của Công ty có những thuận lợi nhất định. Thị trường chứng khoán có khởi sắc do những tín hiệu tích cực từ các chỉ số vĩ mô. APSC đã cố gắng duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ môi giới bằng kỹ năng và trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên môi giới của Công ty, tiếp tục đảm bảo cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin của thị trường để giúp khách hàng nắm bắt được thông tin kịp thời, tìm kiếm và cung cấp cho khách hàng các cơ hội đầu tư phù hợp. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động môi giới vẫn không đạt chỉ

tiêu đề ra, cụ thể: tổng doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt 4.025.616.350 đồng, tăng 33,3% so với năm 2012, nhưng bằng 71,89% so với kế hoạch.

Tuy doanh thu trong năm qua không khả quan nhưng mọi hoạt động kinh doanh của bộ phận môi giới đều được thực hiện đúng quy định, không xảy ra bất kỳ sự cố cũng như khiếu kiện nào từ phía nhà đầu tư. Công ty luôn kịp thời cập nhật những quy định mới của UBCKNN và Bộ Tài Chính đến nhà đầu tư, duy trì mối quan hệ gắn bó với các khách hàng.

❖ **Hoạt động tư vấn Tài chính doanh nghiệp và phân tích đầu tư**

Trong năm 2013, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 726.818.182 đồng, tăng 9,3% so với năm 2012 nhưng chỉ bằng 72,68% so với kế hoạch. Doanh thu từ hoạt động trên không đạt kế hoạch bởi những nguyên nhân sau:

- Hoạt động tư vấn niêm yết gần như bị đình trệ do thị trường chứng khoán suy giảm mạnh kéo theo giá nhiều cổ phiếu niêm yết giảm sâu đã làm mất đi sự hấp dẫn của việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung.
- Hoạt động tư vấn phát hành gặp rất nhiều bất lợi trong việc tìm kiếm khách hàng mới do thị trường chứng khoán suy giảm khiến kênh huy động vốn qua phát hành chứng khoán của doanh nghiệp trở nên kém hấp dẫn hơn trước rất nhiều.
- Các dịch vụ tư vấn khác của Công ty vẫn tạo nguồn thu ổn định nhưng không có đột biến và không bù đắp được sự sụt giảm trong doanh thu nói chung. Công ty vẫn duy trì và đảm bảo chất lượng dịch vụ tư vấn Tổ chức đại hội đồng cổ đông; Tư vấn IR và quản lý sổ cổ đông cho doanh nghiệp đối với các khách hàng truyền thống. Các dịch vụ tư vấn phát hành, niêm yết và cổ phần hóa là những dịch vụ mang lại doanh thu chủ yếu thì số lượng hợp đồng được ký kết và thực hiện không được nhiều.

Như vậy, việc các hoạt động tư vấn truyền thống (tư vấn niêm yết và tư vấn phát hành) bị sụt giảm mạnh trong khi các hoạt động tư vấn mới đưa vào triển khai chưa tạo được đột biến nên doanh thu từ mảng kinh doanh trên của Công ty đã không thể đạt được chỉ tiêu đề ra.

- Đối với hoạt động phân tích đầu tư của Công ty, APSC vẫn duy trì các sản phẩm phân tích của mình để phục vụ cho nhu cầu Công ty cũng như các yêu cầu của khách

hàng. Ngoài các sản phẩm định kỳ (bản tin đánh giá nhận định thị trường hàng ngày, tuần, tháng) bộ phận Phân tích Công ty đã thường xuyên đưa ra các Báo cáo phân tích Công ty, lập danh mục đầu tư cho từng thời kỳ. Các sản phẩm này nhận được phản hồi tốt từ phía khách hàng, qua đó phần nào hỗ trợ được hoạt động môi giới của Công ty.

❖ **Hoạt động lưu ký**

Là một trong những nghiệp vụ cơ bản của APSC. Hoạt động này đã cung cấp cho khách hàng rất nhiều tiện ích như ký gửi và bảo quản chứng khoán để đảm bảo các quyền và lợi ích kịp thời cho khách hàng. Với việc lưu ký sớm chứng khoán, APSC đã hỗ trợ cho khách hàng kịp thời giao dịch. Ngoài ra khách hàng còn được cập nhập các thông tin kịp thời về cổ tức, giá chứng khoán và các thông tin liên quan đến cổ phiếu mà khách hàng đầu tư.

Trong năm Công ty đã thực hiện đầy đủ và chính xác các số liệu cũng như thủ tục lưu ký và thanh toán bù trừ, không xảy ra sai sót. Các thủ tục giấy tờ tiến hành nhanh chóng đã mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

❖ **Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và các dịch vụ hỗ trợ**

Là một mảng hoạt động rất quan trọng trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay. Trong năm 2013, Công ty đã chủ động tìm kiếm các nguồn tài chính từ các đối tác là ngân hàng, công ty tài chính nhằm hỗ trợ tối đa cho khách hàng cũng như tạo thêm lợi nhuận cho công ty qua các dịch vụ hỗ trợ như: ứng trước tiền bán chứng khoán. Repo – cầm cố cổ phiếu, cho vay ký quỹ chứng khoán... Hoạt động này đã được Công ty triển khai với quan điểm thận trọng, chỉ hỗ trợ đối với những khách hàng đáp ứng yêu cầu về tài chính và có những danh mục đầu tư đảm bảo tính thanh khoản cao, đáp ứng được các tiêu chí mà Công ty đặt ra. Tuy đề cao sự đảm bảo an toàn nhưng tổng giá trị doanh thu thực hiện được trong năm 2013 cũng đã đạt được là 3,178,073,181 đồng, đóng góp lớn trong tổng doanh thu của Công ty.

Những tiến bộ đã đạt được:

- Cơ cấu tổ chức linh hoạt, chuyên nghiệp hóa.
- Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, các quy trình nghiệp vụ được hoàn thiện giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và Công ty kiểm soát được rủi ro.
- Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được liên tục đổi mới

Các hạn chế còn tồn tại:

Bên cạnh những tác động nặng nề từ tình hình kinh tế vĩ mô cũng như sự suy giảm của thị trường chứng khoán đã nói ở trên, chúng ta cũng còn nhiều mặt chưa làm được do những hạn chế trong nội tại Công ty, cụ thể là:

- Mặc dù đã rất cố gắng nhưng kết quả kinh doanh cho thấy các bộ phận trong Công ty chưa tìm ra được giải pháp hiệu quả để cải thiện tình hình kinh doanh trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay.
- Công nghệ thông tin: phần mềm giao dịch trong quá trình sử dụng tiếp tục cần chỉnh sửa, nâng cấp và hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu mới của cơ quan quản lý nhà nước và các yêu cầu mới của khách hàng trong khi chi phí nâng cấp cho hệ thống này còn hạn chế nên mới chỉ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản.
- Thị phần, chất lượng dịch vụ: thị phần của Công ty có dấu hiệu giảm, chất lượng dịch vụ chưa tương xứng với mức phí của Công ty. Ngoài yếu tố thị trường, cũng có những nguyên nhân từ bên trong như: đội ngũ chuyên viên có trình độ cao ít, thiếu kinh nghiệm...

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Năm 2013 tổng tài sản cuối kỳ của Công ty đạt 70,5 tỷ đồng, giảm so với cuối kỳ năm 2012 là 9,54%. Tình hình tài sản của Công ty có một số biến động như sau: đầu tư tài chính ngắn hạn giảm từ 40,8 tỷ năm 2012 xuống còn 31,8 tỷ năm 2013 (do việc cắt giảm các khoản đầu tư ngắn hạn); các khoản phải thu khách hàng tăng từ 10,8 tỷ năm 2012 lên 16,5 tỷ năm 2013. Các chỉ tiêu tài sản khác không biến động nhiều.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty là 22 tỷ đồng, trong đó vay và nợ ngắn hạn 2,2 tỷ đồng, còn lại là trả người đầu tư và trả khác. Toàn bộ nợ phải trả của Công ty trong năm 2013 là nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức: Năm 2013, có sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức Công ty: giải thể Khối phát triển kinh doanh, chức năng quản tuyển dụng, quản lý nhân sự, quản lý hồ sơ tạm thời gia cho Khối Tài chính – Kế toán; thành lập Tiểu ban quản trị rủi ro (thuộc Hội đồng quản trị) có chức năng hỗ trợ Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt và giám sát việc thực hiện chính sách và chiến lược quản trị rủi ro. Các bộ phận trong Công ty có

thay đổi về nhân sự, chuyên môn, cắt giảm, tuyển dụng nhân sự hợp lý đã làm giảm bớt chi phí và tận dụng tốt hơn năng lực làm việc của nhân sự trong từng bộ phận.

Về chính sách, quản lý: Công ty ban hành các chính sách mới về “Quy chế quản lý rủi ro” và “Quy trình quản lý rủi ro”

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Sang năm 2014, dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng khả quan, khu vực đồng euro thoát khỏi khủng hoảng với mức tăng trưởng 0,9%, Mỹ 2,7%, Nhật 1,2%,... Tuy vậy, những vấn đề tồn tại như nợ công ở Châu Âu, suy giảm tăng trưởng ở Trung Quốc và Ấn Độ; trong khi nền kinh tế trong nước đối mặt với những thách thức về tổng cầu khu vực tư nhân vẫn còn thấp, tiến trình cải cách cơ cấu (doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng) tiếp tục chậm chạp. Báo cáo cập nhật kinh tế vùng Đông Á Thái Bình Dương do Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo GDP của Việt Nam tăng trưởng với tốc độ vào khoảng 5,5% trong năm 2014, lạm phát có thể nằm trong chỉ tiêu của chính phủ là 7%. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Định hướng cơ bản trong hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 là giảm thiểu chi phí đồng thời huy động tối đa mọi nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững; tiếp tục đầu tư vào nhân sự để nâng cao tính chuyên nghiệp của nhân viên trong các bộ phận Tư vấn, Môi giới và Phân tích, đồng thời tiếp tục phát triển các dịch vụ mới để đón đầu khi thị trường hồi phục.

Kế hoạch kinh doanh APSC năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2014	Năm 2013	Tăng Giảm %
Doanh thu	16.231.526.380	8.088.542.700	101%
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	11.979.526.380	4.025.616.350	66%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	332.000.000	82.027.600	75%
Doanh thu hoạt động tư vấn	800.000.000	726.818.182	9%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	120.000.000	76.007.387	37%
Doanh thu khác	3.000.000.000	3.178.073.181	-6%

Các khoản giảm trừ doanh thu	-		
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16.231.526.380	8.088.542.700	50%
Chi phí hoạt động kinh doanh	7.165.094.500	6.012.712.067	16%
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	9.066.431.880	2.075.830.633	77%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.973.895.392	5.821.917.316	3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.092.536.488	(3.746.086.683)	221%
Thu nhập khác		3.000.000	
Chi phí khác			
Lợi nhuận khác		3.000.000	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.092.536.488	(3.743.086.683)	221%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.092.536.488	(3.743.086.683)	221%

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Xác định năm 2013 là năm khó khăn của ngành chứng khoán, do vậy, Công ty đã xây dựng và thực hiện chiến lược thu hút Nhà đầu tư bằng nhiều biện pháp: Lập danh mục những chứng khoán tốt để đầu tư; Mở các cuộc hội thảo về tâm lý đầu tư cho các Nhà đầu tư... Trong tình trạng khó khăn chung của ngành chứng khoán, nhiều công ty lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, giải thể, rút nghiệp vụ kinh doanh... thì hoạt động của Công ty vẫn giữ được ổn định và tăng trưởng nhẹ so với năm 2012.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Năm 2013, Hội đồng quản trị triển khai giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua các hình thức:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý
- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong các cuộc họp giao ban công ty

- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của Ban kiểm soát về công tác quản trị điều hành của Ban tổng giám đốc và tình hình hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát: Ban Tổng giám đốc công ty đã có những cố gắng rất lớn trong việc Điều hành công ty. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty vượt qua thời kỳ khó khăn khủng hoảng của nền kinh tế, giữ được sự ổn định về vốn và các nguồn tài chính; Tiết giảm chi phí hoạt động; nâng cấp website công ty; Thay đổi, tuyển mới, thuyên chuyển nhân sự hợp lý tận dụng tốt nguồn lực cũng như giúp nhân viên phát huy tốt năng lực của mình; Có những chiến lược thu hút nhà đầu tư tương đối hiệu quả. Kết quả kinh doanh năm 2013 so với năm 2012 có những tiến bộ nhất định. Lợi nhuận sau thuế tăng trên 16% so với năm trước.

Tuy vậy, những cố gắng của Ban giám đốc chưa đạt được kết quả như kế hoạch, doanh thu, lợi nhuận và chi phí kinh doanh trong năm đều không đạt kế hoạch đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kinh tế Việt Nam dự báo tiếp tục tăng trưởng song tốc độ chậm, GDP dự báo tăng khoảng 5,5% và CPI tăng khoảng 7%. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần giữa các công ty chứng khoán. Hội đồng quản trị đặt mục tiêu tiết giảm chi phí, tận dụng các nguồn lực hiện có, đào tạo nhân sự hiện có và nâng cao chất lượng dịch vụ là những giải pháp căn bản để giảm bớt những khó khăn do hoàn cảnh thị trường chứng khoán suy giảm hiện nay gây ra.

Năm 2014, Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện những công việc chính sau:

- Tiếp tục nâng cấp toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng với các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng
- Tăng cường kiểm soát doanh thu, chi phí nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, chống đỡ với những khó khăn của thị trường và sẵn sàng khi thị trường có cơ hội phục hồi
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn.
- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;

- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Liên tục tuyển dụng và đào tạo các nhân tài phục vụ cho Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	1.636.400	0	Phổ thông	27,92%
2	Lê Như Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Độc lập không điều hành	0	115.000	Phổ thông	1,96%
3	Lê Văn Cường	Thành viên	Phó tổng giám đốc	41.000	0	Phổ thông	0,7%
4	Lê Đức Thắng	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0%
5	Trương Thị Minh Thọ	Thành viên	TV Ban giám đốc	190.000	0	Phổ thông	3,24%

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó 02 thành viên không điều hành là ông Lê Như Hùng và Lê Đức Thắng, 03 thành viên còn lại kiêm nhiệm chức vụ quản lý và điều hành công ty, hưởng lương hàng tháng.

Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 31/12/2013) 05 thành viên Hội đồng quản trị sở hữu trực tiếp 1.867.400 cổ phiếu, chiếm 31,86% và đại diện sở hữu 115.000 cổ phần, tương đương 1,96%.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đến Ban điều hành và các bộ phận trong công ty.
- Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán (Trong số các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận) để Tổng giám đốc ký hợp đồng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính công ty.
- HĐQT công ty đã thực hiện nghiêm túc Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ 06 tháng và năm gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng Quy định của Pháp luật.
- Giám sát những người quản lý công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhìn chung năm 2013 đa số những người quản lý điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Công tác quản lý điều hành thực hiện một cách nghiêm túc và cẩn trọng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- Trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý với Tổng giám đốc, cùng Tổng giám đốc đưa ra những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn trong kinh doanh
- Cùng với các kiểm toán viên của Công ty kiểm toán độc lập xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của Báo cáo tài chính năm 2013, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và công bố theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trước những biến động của thị trường chứng khoán, năm 2013, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời, hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự của Công ty phù hợp với pháp luật và quy chế, quy định của công ty, bám sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin linh hoạt thông qua văn bản, fax, email... Nội dung chính thảo luận tại các phiên họp sau khi đạt được sự thống nhất giữa các thành viên Hội đồng quản trị được thể chế thành Nghị quyết Hội đồng quản trị. Trong năm 2013, Hội đồng quản trị triệu tập 6 lần với các nội dung chính như sau:

- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012;

- Tổng kết hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2013 và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho các tháng tiếp theo;
- Tổng kết hoạt động kinh doanh quý III/2013, đề ra nhiệm vụ cho quý IV/2013;
- Thông qua quy chế tạm thời quy định về việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, quy trình tạm thời quy định về việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và đề xuất trình Đại hội cổ đông thông qua các văn bản trên;
- Thông qua việc thành lập tiểu ban quản trị rủi ro;
- Thông qua quy trình quản lý rủi ro, quy chế quản lý rủi ro, chính sách quản lý rủi ro và các đề xuất sửa đổi điều lệ.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Lê Thành Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Độc lập không điều hành	575.000	0	Phổ thông	9.81%
2	Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên	Độc lập không điều hành	30.000	0	Phổ thông	0.51%
3	Đỗ Bích Ngọc	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban kiểm soát công ty nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát hoạt động một cách chủ động theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, cụ thể:

- Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đều mời các thành viên Ban kiểm soát tham dự.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết hoạt động và xây dựng kế hoạch, chỉ định công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Công ty, bàn bạc thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty đã công bố.
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác); Trong năm 2013 tất cả các vấn đề này được Công ty chấp hành tốt.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Do tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2013 gặp nhiều khó khăn, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tình nguyện không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. Báo cáo tài chính (đính kèm)

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
đã được kiểm toán*



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 - 7

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

9 - 10

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

11

Thuyết minh báo cáo tài chính

12 - 30

352
C
ACH
ICH
I CH
VÀ
N
7.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22/12/2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21/08/2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18/06/2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/03/2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là **58.619.400.000** đồng.

Hoạt động đăng ký của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên (bỏ nhiệm từ 26 tháng 6 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Giám đốc khối Tài chính Kế toán – Hành chính nhân sự
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014



Số: 168 / BCKT / TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/03/2014 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.3 về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 19.755.330.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 (vốn chủ sở hữu của Công ty tại 31/12/2013 là 48.477.264.448 đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Cao Thị Hồng Nga

Chứng nhận ĐKHN số: 0613-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến

Chứng nhận ĐKHN số: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2014



Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		62.831.582.368	68.380.433.057
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.486.550.086	22.922.305.717
1. Tiền	111		18.486.550.086	20.172.305.717
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	2.750.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	26.747.264.200	33.849.815.300
1. Đầu tư ngắn hạn	121		31.797.589.068	40.843.901.060
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.050.324.868)	(6.994.085.760)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	16.527.155.030	11.326.953.399
1. Phải thu khách hàng	131		16.511.656.555	10.778.596.285
2. Trả trước người bán	132		30.800.000	30.800.000
3. Phải thu khác	138		522.782.808	549.057.114
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(538.084.333)	(31.500.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.613.052	281.358.641
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	34.611.112	256.242.650
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.6	36.001.940	25.115.991
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.683.344.967	9.569.047.548
I. Tài sản cố định	220		1.451.667.753	2.852.990.491
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.229.686.656	2.151.368.107
- Nguyên giá	222		6.433.218.835	7.177.182.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.203.532.179)	(5.025.814.458)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	221.981.097	701.622.384
- Nguyên giá	228		1.385.162.000	1.660.825.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.163.180.903)	(959.202.616)
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.231.677.214	6.716.057.057
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	632.730.550	1.227.144.391
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	4.050.378.341	4.050.378.341
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.11	1.462.226.193	1.186.811.024
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	86.342.130	251.723.301
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.514.927.335	77.949.480.605

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.037.662.887	25.729.129.474
I. Nợ ngắn hạn	310		22.037.662.887	25.729.129.474
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	2.229.000.000	8.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		502.740.091	1.007.140.055
3. Người mua trả tiền trước	313		240.750.000	53.670.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	4.995.791	6.939.947
5. Chi phí phải trả	316	V.15	462.538.101	387.310.495
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	18.572.646.780	15.849.076.853
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		24.992.124	24.992.124
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.477.264.448	52.220.351.131
I. Vốn chủ sở hữu	410		48.477.264.448	52.220.351.131
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	58.619.400.000	58.619.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.779.850.000	1.779.850.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		808.893.187	808.893.187
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.730.878.739)	(8.987.792.056)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.514.927.335	77.949.480.605

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
1. Chứng khoán lưu ký	006		331.008.800.000	375.129.380.000
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		309.974.290.000	362.496.150.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		309.898.840.000	362.423.500.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		75.450.000	72.650.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		2.069.370.000	2.176.870.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		2.069.370.000	2.176.870.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	027		18.785.700.000	8.625.700.000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		18.785.700.000	8.625.700.000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	037		179.440.000	1.830.660.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		179.180.000	1.830.660.000
1.4.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		260.000	-
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		14.294.370.000	8.142.850.000
Trong đó:				
2.1. Chứng khoán giao dịch	051		14.244.370.000	8.142.850.000
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		14.243.370.000	8.141.850.000
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		1.000.000	1.000.000
2.2. Chứng khoán chờ thanh toán	071		50.000.000	-
2.2.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		50.000.000	-



Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu	01		8.088.542.700	9.456.450.471
Trong đó:				
- DT hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.025.616.350	3.020.803.564
- DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		82.027.600	1.598.626.866
- DT bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- DT đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- DT hoạt động tư vấn	01.5		726.818.182	664.863.636
- DT lưu ký chứng khoán	01.6		76.007.387	-
- DT hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- DT cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- DT khác	01.9	VI.1	3.178.073.181	4.172.156.405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		8.088.542.700	9.456.450.471
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	6.012.712.067	9.784.134.597
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		2.075.830.633	(327.684.126)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	5.821.917.316	5.721.403.020
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		(3.746.086.683)	(6.049.087.146)
8. Thu nhập khác	31		3.000.000	58.131.480
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	40		3.000.000	58.131.480
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.743.086.683)	(5.990.955.666)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.4	-	(1.532.329.117)
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(3.743.086.683)	(4.458.626.549)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	(639)	(761)



Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		2.144.508.000	2.883.694.367
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(2.983.778.020)	(3.023.176.453)
3. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		372.407.211.587	319.070.417.590
4. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(395.056.641.977)	(321.719.781.307)
5. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(5.285.095.706)	(2.527.644.503)
6. Tiền chi trả cho người lao động	11		(4.392.383.337)	(4.807.340.085)
7. Tiền chi trả lãi vay	12		(17.793.111)	(1.088.405.278)
8. Tiền thu khác	14		36.124.693.515	13.901.743.959
9. Tiền chi khác	15		(6.170.513.802)	(6.909.564.346)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</i>	<i>20</i>		<i>(3.229.792.851)</i>	<i>(4.220.056.056)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(140.000.000)	(569.164.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.518.400.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		5.347.035.000	15.518.400.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		758.002.220	892.208.400
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>5.965.037.220</i>	<i>323.044.400</i>

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.150.000.000	5.700.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.321.000.000)	(5.700.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài</i>	<i>40</i>		<i>(6.171.000.000)</i>	<i>-</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(3.435.755.631)</i>	<i>(3.897.011.656)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.922.305.717	26.819.317.373
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.486.550.086	22.922.305.717



Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
	VND	VND	Tăng (Giảm) VND	Tăng (Giảm) VND	VND	VND
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.619.400.000	58.619.400.000	-	-	58.619.400.000	58.619.400.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	1.779.850.000	1.779.850.000
3 Quỹ Dự phòng tài chính	808.893.187	808.893.187	-	-	808.893.187	808.893.187
4 LN chưa phân phối	(4.529.165.507)	(8.987.792.056)	-	(3.743.086.683)	(8.987.792.056)	(12.730.878.739)
Cộng	56.678.977.680	52.220.351.131	-	(3.743.086.683)	52.220.351.131	48.477.264.448



Thủy Anh

Vũ Thủy Anh

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22/12/2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21/08/2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18/06/2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/03/2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2008 là **58.619.400.000** đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán.**3. Ngành nghề kinh doanh:** Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.**4. Tổng số nhân viên:** 22 người, trong đó 16 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2003/QĐ-BTC ngày 20/06/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác

Dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán (chứng khoán tự doanh) được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá đầu tư được phản ánh vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- o Chi phí thuê văn phòng;
- o Chi phí thuê biển hiệu quảng cáo;
- o Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- o Chi phí chờ phân bổ khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được phân bổ trong khoảng từ 3 đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

9. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

14. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công cụ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tiền	18.486.550.086	20.172.305.717
Tiền mặt	189.745.377	42.533.171
Tiền gửi ngân hàng	18.296.804.709	20.129.772.546
Trong đó:		
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>18.041.542.014</i>	<i>15.285.761.562</i>
Tương đương tiền	1.000.000.000	2.750.000.000
Cộng	19.486.550.086	22.922.305.717

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa công ty chứng khoán	137.020	3.901.666.992
- Cổ phiếu	137.020	3.901.666.992
b) Cửa nhà đầu tư	155.632.700	1.436.087.488.800
- Cổ phiếu	155.632.700	1.436.087.488.800
Cộng	155.769.720	1.439.989.155.792

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a. Tình hình đầu tư tài chính**

Chỉ tiêu	31/12/2013 VND	1/1/2013 VND
I. Chứng khoán thương mại	24.516.374.068	27.772.501.060
- Cổ phiếu niêm yết	4.761.044.068	8.017.171.060
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	19.755.330.000	19.755.330.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác (**)	7.281.215.000	13.071.400.000
III. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.050.324.868)	(6.994.085.760)
- Cổ phiếu niêm yết	(3.741.838.368)	(5.638.161.760)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	(1.308.486.500)	(1.355.924.000)
Cộng	26.747.264.200	33.849.815.300

(*) Khoản đầu tư chiếm 40,75% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013. Công ty đang tìm đối tác nhận chuyển nhượng khoản đầu tư để giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức qui định.

(**) Khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng			Giá trị theo sổ kế toán			So với giá thị trường			Tổng giá trị theo giá thị trường		
	Cuối năm	Đầu năm		Cuối năm	Đầu năm		Cuối năm	Đầu năm		Cuối năm	Đầu năm	
			Tăng Cuối năm năm						Giảm Đầu năm năm			
I. Chứng khoán thương mại	124.588	169.108	-	4.761.044.068	8.017.171.060	-	(3.741.838.368)	(5.638.161.760)	-	1.019.205.700	2.379.009.300	-
1. Cổ phiếu niêm yết												
ANV	80.000	80.000	-	4.269.382.040	4.269.382.040	-	(3.589.382.040)	(3.485.382.040)	-	680.000.000	784.000.000	-
NBC	11.583	8.333	-	183.320.000	171.650.000	-	(68.648.300)	(70.820.700)	-	114.671.700	100.829.300	-
SHB	33.000	33.000	-	308.000.000	308.000.000	-	(83.600.000)	(113.300.000)	-	224.400.000	194.700.000	-
VCB	5	47.775	-	342.028	3.268.139.020	-	(208.028)	(1.968.659.020)	-	134.000	1.299.480.000	-
II. Đầu tư ngắn hạn khác												
Cộng	124.588	169.108	-	12.042.259.068	21.088.571.060	-	(5.050.324.868)	(6.994.085.760)	-	7.002.746.600	14.094.485.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	(Giảm)	Tổng số	Số quá hạn	
- Phải thu của khách hàng	10.778.596.285	31.500.000	513.898.163.847	(508.165.103.577)	16.511.656.555	31.500.000	31.500.000
- Trả trước cho người bán	30.800.000	-	-	-	30.800.000	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	299.917.253	(299.917.253)	-	-	-
- Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	549.057.114	-	151.806.099	(178.080.405)	522.782.808	507.784.333	506.584.333
CỘNG	11.358.453.399	31.500.000	514.349.887.199	(508.643.101.235)	17.065.239.363	539.284.333	538.084.333

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	-	234.236.710
Dịch vụ viễn thông	-	15.192.900
Chi phí chờ phân bổ khác	34.611.112	6.813.040
Cộng	34.611.112	256.242.650

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	20.868.435	20.868.435
Thuế TNCN nộp thừa	15.133.505	4.247.556
Cộng	36.001.940	25.115.991

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.664.941.900	820.737.000	1.691.503.665	7.177.182.565
Tăng trong năm	20.000.000	-	-	20.000.000
Giảm khác (*)	(604.533.028)	-	(159.430.702)	(763.963.730)
Số dư cuối năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.020.052.675	820.737.000	1.185.024.783	5.025.814.458
Khấu hao trong năm	590.983.880	-	224.475.483	815.459.363
Giảm khác (*)	(488.564.676)	-	(149.176.966)	(637.741.642)
Số dư cuối năm	3.122.471.879	820.737.000	1.260.323.300	5.203.532.179
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.644.889.225	-	506.478.882	2.151.368.107
Tại ngày cuối năm	957.936.993	-	271.749.663	1.229.686.656

(*) Chuyển sang công cụ dụng cụ các tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.141.075.856 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.660.825.000
Tăng trong năm	120.000.000
Giảm khác (*)	(395.663.000)
Số dư cuối năm	1.385.162.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	959.202.616
Khấu hao trong năm	225.572.787
Giảm khác (*)	(21.594.500)
Số dư cuối năm	1.163.180.903
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	701.622.384
Tại ngày cuối năm	221.981.097

(*) Chuyển sang công cụ dụng cụ các tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 595.568.000 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng, biển hiệu quảng cáo văn phòng HCM (*)	522.824.784	1.174.461.384
Chi phí chờ phân bổ khác	109.905.766	52.683.007
Cộng	632.730.550	1.227.144.391

(*) Khoản tiền thuê văn phòng, biển hiệu quảng cáo của văn phòng đại diện của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh phát sinh trong khoảng thời gian trước khi chi nhánh chính thức đi vào hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.050.378.341	2.518.049.224
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ (xem thuyết minh VI.4)	-	1.532.329.117
Số dư cuối kỳ	4.050.378.341	4.050.378.341

11. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	895.318.648	895.318.648
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	446.907.545	171.492.376
Cộng	1.462.226.193	1.186.811.024

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	76.342.130	241.723.301
Ký quỹ mở thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Cộng	86.342.130	251.723.301

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**a. Tình hình biến động các khoản vay trong kỳ**

Chỉ tiêu	Lãi suất	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
		VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	10% - 14,2%/năm	-	9.150.000.000	(8.250.000.000)	900.000.000
Vay đối tượng khác	-	8.400.000.000	-	(7.071.000.000)	1.329.000.000
Cộng		8.400.000.000	9.150.000.000	(15.321.000.000)	2.229.000.000

Các khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ dưới 1 tháng đến 6 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN** (tiếp theo)**b. Chi tiết số dư**

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
NH TMCP Dầu khí Toàn cầu (GP Bank) (a)	900.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (b)	1.329.000.000	8.400.000.000
Cộng	2.229.000.000	8.400.000.000

(a) Vay ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu – PGD TT Hà Thành với thời hạn 13 ngày, lãi suất 11%/năm, tài sản cầm cố đảm bảo cho khoản vay là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mệnh giá 1.000.000.000 đồng.

(b) Vay Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục với thời hạn vay 6 tháng, không lãi suất, không có tài sản đảm bảo.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.995.791	6.939.947
Cộng	4.995.791	6.939.947

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	279.066.666	279.066.666
Lãi trả nhà đầu tư	27.079.058	27.280.760
Chi phí hoạt động	121.392.377	80.963.069
Chi phí phải trả khác	35.000.000	-
Cộng	462.538.101	387.310.495

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư trong nước	17.786.669.384	15.093.967.815
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	152.309.791	152.309.791
Các khoản phải trả, phải nộp khác	633.667.605	602.799.247
Cộng	18.572.646.780	15.849.076.853

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2013		01/01/2013	
	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH CNTT và TT Tân Thanh Hoa	1.150.000.000	1,96	1.150.000.000	1,96
Ông Lê Thành Trung	5.750.000.000	9,81	5.750.000.000	9,81
Bà Vũ Thúy Anh	5.428.000.000	9,26	5.428.000.000	9,26
Cổ đông khác	46.291.400.000	78,97	46.291.400.000	78,97
Cộng	58.619.400.000	100,00	58.619.400.000	100,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU KHÁC**

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	330.571.754	992.159.509
Doanh thu hoạt động ký quỹ	1.082.067.288	1.459.096.066
Doanh thu khác	1.765.434.139	1.720.900.830
Cộng	3.178.073.181	4.172.156.405

2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới kinh doanh	431.590.911	314.287.934
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	1.641.316.992	490.150.000
Chi phí hoạt động tư vấn	-	39.000.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	207.248.965	257.573.710
Chi phí dự phòng, hoàn nhập dự phòng	(1.943.760.892)	462.159.700
Chi phí khác	5.676.316.091	8.220.963.253
Cộng	6.012.712.067	9.784.134.597

(*) Lỗ do bán chứng khoán còn tồn sau khi Công ty rút nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	3.137.549.938	2.945.950.975
Chi phí vật liệu quản lý	69.728.276	72.102.345
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	45.584.476	26.982.880
Chi phí khấu hao TSCĐ	274.147.755	342.171.821
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	2.262.709
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	506.584.333	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.195.591.308	1.546.340.415
Chi phí khác bằng tiền	589.731.230	785.591.875
Cộng	5.821.917.316	5.721.403.020

4. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán (1)	(3.743.086.683)	(5.990.955.666)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	82.027.600	138.360.800
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) - (3)	(3.825.114.283)	(6.129.316.466)
Thu nhập tính thuế (5)	-	-
Khoản lỗ được chuyển sang năm sau (6)	3.825.114.283	6.129.316.466
Thuế suất (7)	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành (8) = (5) * (7)	-	-
Thuế TNDN hoãn lại (9) = (6) * (7)	-	1.532.329.117

Thuế thu nhập hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các khoản lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau chưa được ghi nhận vì không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các khoản lỗ tính thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(3.743.086.683)	(4.458.626.549)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (3) = (1) + (2)	(3.743.086.683)	(4.458.626.549)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	5.861.940	5.861.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5) = (3)/(4)	(639)	(761)

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương	1.207.201.009	1.098.724.448
Cộng	1.207.201.009	1.098.724.448

2. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Năm nay	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	4.025.616.350	82.027.600	3.980.898.750	8.088.542.700
Chi phí trực tiếp	431.590.911	(302.443.900)	-	129.147.011
Chi phí không phân bổ				11.705.482.372
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(3.746.086.683)
Thu nhập khác				3.000.000
Chi phí khác				-
Lợi nhuận trước thuế				(3.743.086.683)
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận sau thuế				(3.743.086.683)

Thông tin về tài sản bộ phận và nợ bộ phận: Công ty không tách riêng tài sản và nợ theo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****a) Quản lý rủi ro tài chính**

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

e) Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH**a. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán. Một số số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp với số liệu cuối năm.



Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

b. Những thay đổi do trình bày lại

Khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 1/1/2013 sau trình bày lại	Số dư tại ngày 1/1/2013	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán			
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.994.085.760)	(5.638.161.760)	(1.355.924.000)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.500.000)	(1.387.424.000)	1.355.924.000
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Chi phí hoạt động kinh doanh	9.784.134.597	8.428.210.597	1.355.924.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.721.403.020	7.077.327.020	(1.355.924.000)



Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Ngày 22 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

